

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dung;
2. Ông Y Pép Êban.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:
Ông Tào Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Y T Hmők (tên thường gọi: Ama Y T), sinh năm 1957.

Địa chỉ: Buôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Đ (tên thường gọi Ama H'T), sinh năm 1981 (Vắng mặt) và bà H B Hmők (tên thường gọi Amí H'T), sinh năm 1976 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Buôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H'Y Knul (tên thường gọi: Amí Y T), sinh năm 1960.

Địa chỉ: Buôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)..

- Người làm chứng: Cháu Phan Thị T, sinh ngày 28/02/2004 (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Thuận: Ông Phan Đ và bà H B Hmők.

Cùng địa chỉ: Buôn A, xã E, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người phiên dịch:* Bà H B Niê. Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Y T Hmők trình bày:

Ông Y T Hmők (nguyên đơn) với bà H B Hmők và ông Phan Đ (bị đơn) là họ hàng xa, bị đơn gọi nguyên đơn là cậu, xưng là cháu, hai gia đình thường xuyên qua lại giúp đỡ lẫn nhau. Năm 2017, bị đơn có nhu cầu muốn mua thêm đất để canh tác nên hỏi vay tiền của nguyên đơn. Do nguyên đơn không có sẵn tiền nên ngày 27/7/2017 nguyên đơn thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) của gia đình vay Ngân hàng N số tiền 350.000.000 đồng theo Hợp đồng số 149394481, trong đó nguyên đơn vay 80.000.000 đồng, con trai nguyên đơn tên Y Ng Knul vay 150.000.000 đồng còn cho bị đơn vay lại 120.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận lãi suất ai vay bao nhiêu thì chịu bấy nhiêu, tính theo lãi suất Ngân hàng 11%/năm. Thời hạn trả gốc và lãi là 01 năm theo hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn ký với ngân hàng. Nguyên đơn và bị đơn lập giấy vay tiền đề ngày 27/7/2017 tại nhà nguyên đơn, nguyên đơn là người viết, do bị đơn không biết chữ nên nhờ con gái ký tên giùm.

Đến ngày 04/10/2017, bị đơn tiếp tục vay của con gái nguyên đơn là H Nh Knul số tiền 188.000.000 đồng (cũng là vay chung của Ngân hàng, tài sản thế chấp là GCNQSDĐ của H Nh). Khoản vay này bị đơn đã trả cho H Nh vào ngày 26/4/2018 nên đã gạch bỏ, không liên quan đến khoản vay 120.000.000 đồng giữa nguyên đơn và bị đơn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do trước đó bị đơn chưa ký xác nhận nợ mà nhờ con gái ký giùm nên nguyên đơn đã viết lại “Giấy vay tiền Ngân hàng” vào mặt sau của giấy vay đề ngày 27/7/2017; nội dung gộp cả khoản vay ngày 27/7/2017 bị đơn vay của nguyên đơn và khoản vay ngày 04/10/2017 bị đơn vay của H Nh, sau đó yêu cầu bị đơn bà H B Hmők điểm chỉ vào. Thời điểm này bị đơn nói chỉ vay 01 năm nên nguyên đơn mới ghi là “khi tới năm trả, sẽ trả hết gốc và lãi và sẽ không vay lại”. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ Ngân hàng thì bị đơn nói còn khó khăn nên chưa trả được, nhờ nguyên đơn đáo hạn. Bản thân nguyên đơn cũng có nguyện vọng vay tiếp nên nguyên đơn đồng ý. Do cả hai bên đều không có tiền để đáo hạn Ngân hàng nên thống nhất vay số tiền 200.000.000 đồng của ông Th (nguyên đơn không biết họ tên, địa chỉ) còn số tiền 150.000.000 đồng của Y Ng vay thì Y Ng đã trả cho nguyên đơn chứ không vay lại.

Ngày 15/7/2018, nguyên đơn và bị đơn ông Phan Đ (chồng bà H B Hmők) lập giấy vay tiền, giấy do nguyên đơn viết và hai bên ký xác nhận. Nội dung thỏa thuận là ông Đ vay 120.000.000 đồng và nguyên đơn vay 80.000.000 đồng của ông Th để trả nợ Ngân hàng, hẹn trả cho ông Th trong vòng 01 tuần sau khi đáo hạn xong, tiền lãi trả cho Ngân hàng thì nguyên đơn là người chịu. Do sai sót nên nguyên đơn đã ghi nhầm số tiền bằng chữ là “một trăm hai mươi nghìn

đồng”, nguyên đơn không đề ý nên không sửa chữa lại, thực chất vẫn là 120.000.000 đồng. Sau đó nguyên đơn làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng, số tiền vay lại đã trả cho ông Th đầy đủ, không phát sinh tranh chấp. Giữa nguyên đơn và bị đơn cũng không lập lại giấy vay nào khác mà thống nhất theo nội dung thỏa thuận như trong giấy vay tiền ngày 27/7/2017 và 15/7/2018.

Năm 2019 khi đến hạn trả nợ cho Ngân hàng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nhưng bị đơn trốn tránh, chây ì không trả nợ, nguyên đơn phải đi vay mượn để trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đ và bà H B Hmők trả số tiền gốc 120.000.000 đồng và lãi suất theo Ngân hàng là 11%/năm tính từ ngày vay 27/7/2017 đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án.

Nguyên đơn không giữ tài sản, giấy tờ gì của bị đơn làm tin. Ngoài khoản vay trên hai bên không còn khoản nợ nào khác. Nguyên đơn không yêu cầu được trợ giúp pháp lý theo quy định.

Tại biên bản lời khai ngày 07/8/2020 bị đơn bà H B Hmők trình bày:

Bà H B Hmők (bị đơn) là họ hàng xa với nguyên đơn, gọi nguyên đơn bằng cậu. Năm 2017 bị đơn có vay chung với nguyên đơn và một người nữa mà bị đơn không biết họ tên, địa chỉ là người quen của nguyên đơn. Tổng số tiền vay chung là 350.000.000 đồng của Ngân hàng N, trong đó bị đơn vay 120.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo lãi suất Ngân hàng là 11%/ năm, mỗi bên chịu tiền lãi tương ứng với số tiền vay. Mục đích vay tiền là để mua đất làm ăn nên chồng bị đơn là ông Phan Đ có biết và đồng ý vay. Khi vay tiền của nguyên đơn thì bị đơn không có cầm cố thế chấp gì để bảo đảm. Nguyên đơn viết giấy cho bị đơn vay số tiền trên, bị đơn có lặn tay điểm chỉ và nhờ con gái là cháu Phạm Thị Th ghi giùm tên “H B Hmők” vào giấy vay ngày 27/7/2017 của nguyên đơn. Đến năm 2018 khi đến hạn trả bị đơn là người trực tiếp đi vay lãi nóng số tiền 350.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, lãi suất ai vay bao nhiêu thì trả bấy nhiêu, sau đó bị đơn đã đưa số tiền này cho nguyên đơn để đáo hạn Ngân hàng. Sau khi vay lại nguyên đơn đã đưa số tiền 350.000.000 đồng cho bị đơn đi trả cùng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, còn số tiền cụ thể bị đơn không nhớ. Đến qua năm 2019 thì nguyên đơn tự đi đáo hạn trả nợ Ngân hàng, số tiền lãi bị đơn chỉ trả đầy đủ đến năm 2018, còn từ năm 2019 trở đi bị đơn chưa trả, do không làm giấy tờ gì với nhau nên bị đơn không nhớ chi tiết số tiền lãi mà bị đơn đã trả là bao nhiêu. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi 31.680.000 đồng thì bị đơn chỉ đồng ý trả tiền gốc còn tiền lãi bị đơn đề nghị tính lại vì bị đơn đã đáo hạn Ngân hàng và trả lãi vào tháng 7 năm 2018. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên bị đơn hẹn đến 24/11/2020 (tức ngày 10/10/2020 âm lịch) sẽ trả hết nợ cho nguyên đơn. Bị đơn từ chối và không yêu cầu trợ giúp pháp lý theo quy định.

Sau khi lấy được lời khai của bị đơn Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành đối chất và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H B Hmők có đơn từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt trong các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Đối với bị đơn là ông Phan Đ hiện vẫn đang sinh sống ở địa phương, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của ông Phan Đ.

Tại bản tự khai 04/8/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H'Y Knul trình bày:

Bà H' Y Knul là vợ của ông Y T Hmők, bà đồng ý và nhất trí với các lời khai của chồng không bổ sung gì thêm và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà H' Y Knul từ chối yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2020 người làm chứng là cháu Phan Thị Th trình bày: Cháu Th là con của bà H B Hmők. Ngày 27/7/2017 cháu Th đi cùng với bà H B Hmők đến nhà ông Y T Hmők để vay tiền, cụ thể bà H B Hmők vay tiền như thế nào thì cháu Th không biết, cháu Th chỉ giúp bà H B Hmők viết tên “Bì” vào giấy vay tiền còn bà H B Hmők lẫn tay điểm chỉ do bà H B Hmők không biết chữ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Phan Đ không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H B Hmők và ông Phan Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 120.000.000 đồng và số tiền lãi suất (theo mức 11%/năm) tính từ ngày 27/7/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại buôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Phan Đ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, bà H B Hmők có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tiền gốc: Do cần tiền để mua đất đầu tư làm ăn nên bị đơn đến gặp nguyên đơn để vay tiền nhưng vì nguyên đơn không có tiền để cho bị đơn

vay nên ngày 27/7/2017 nguyên đơn đã thế chấp GCNQSDĐ của gia đình vay Ngân hàng N số tiền 350.000.000 đồng, sau đó nguyên đơn cho bị đơn vay lại số tiền 120.000.000 đồng để đầu tư mua đất, lãi suất 11% tháng và thời hạn trả nợ là 01 năm theo hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn đã ký với Ngân hàng. Việc vay mượn trên được bị đơn là bà H B Hmők điểm chỉ lẫn tay vào Giấy vay tiền do nguyên đơn lập khi cho bị đơn vay tiền vào ngày 27/7/2017 và bị đơn thừa nhận còn đang nợ của nguyên đơn số tiền gốc 120.000.000 đồng tiền vay gốc. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bị đơn đã không trả nợ cho nguyên đơn đúng như cam kết để nguyên đơn trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 120.000.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định lãi suất vay tính theo lãi suất ngân hàng là 11% năm, mức lãi suất này phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 11%/năm là có căn cứ cần chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để xác định số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 27/7/2017 đến ngày 27/7/2018 = 120.000.000 đồng x 11% x 01 năm = 13.200.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 28/7/2018 đến ngày 30/9/2020 là 02 năm 02 tháng 02 ngày = [13.200.000 đồng x 10%/năm x 02 năm] + [13.200.000 đồng x (10% : 12 tháng) x 02 tháng] + [13.200.000 đồng x (10% : 365 ngày) x 02 ngày] = 2.867.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 28/7/2018 đến ngày 30/9/2020 là 02 năm 02 tháng 02 ngày = [120.000.000 đồng x 16,5%/năm x 02 năm] + [120.000.000 đồng x (16,5% : 12 tháng) x 02 tháng] + [120.000.000 đồng x (16,5% : 365 ngày) x 02 ngày] = 43.009.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là: 120.000.000 đồng + 59.076.000 đồng = 179.076.000 đồng.

[3] Bà H B Hmők cho rằng bà có tự đứng ra đi vay lãi nóng để đáo hạn trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng vào năm 2018 nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và bà H B Hmők cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là nghĩa vụ của nguyên đơn chứ không phải của bị đơn nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính lại tiền lãi theo yêu cầu bị đơn. Xét thấy bà H B Hmők vay tiền để mua đất đầu tư làm ăn, ông Phan Đ cũng biết và đồng ý nên căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc ông Phan Đ và bà H B Hmők đều phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi như trên.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, do bị đơn bà H B Hmők là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Phan Đ không được miễn án phí nên phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm tương đương $179.076.000 \text{ đồng} \times 5\% : 2 = 4.476.900 \text{ đồng}$ (tính tròn số 4.477.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y T Hmők.

- Buộc ông Phan Đ và bà H B Hmők phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Y T Hmők số tiền tính đến ngày 30/9/2020 gồm 120.000.000 đồng tiền gốc và 59.076.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 179.076.000 đồng (*Một trăm bảy mươi chín triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Nguyên đơn ông Y T Hmők không phải chịu án phí, bị đơn bà H B Hmők được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phan Đ phải chịu 4.477.000 đồng (*Bốn triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Định